TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN N** **THÀNH PHỐ P**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 47/2024/HNGĐ-ST
Ngày 25-3-2024
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N, THÀNH PHỐ P

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Vân

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Đông

Bà Nguyễn Thị Lý

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lan Anh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện N, thành phố P.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện N, thành phố P tham gia phiên tòa: Bà Đào Thị Ngân - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 3 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện N, thành phố P xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 06/2024/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 01 năm 2024 về việc "ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 28/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 02 năm 2024, giữa các đương S:

- *Nguyên đơn:* Chị Trịnh Thị Hồng H; nơi cư trú: Tổ dân phố C, thị trấn M, huyện N, thành phố P; vắng mặt (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

- *Bị đơn:* Anh Đỗ Văn S; nơi cư trú: Tổ dân phố C, thị trấn M, huyện N, thành phố P; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 21/8/2023 và các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn là chị Trịnh Thị Hồng H trình bày:

1. Về hôn nhân:

Chị H và anh Đỗ Văn S kết hôn với nhau vào năm 2009 trên cơ sở tìm hiểu tự nguyện, có tổ chức lễ cưới theo phong tục và có đăng ký kết hôn số 76 ngày 14/9/2009 tại Ủy ban nhân dân thị trấn M, huyện N, thành phố P. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại thị trấn M, huyện N, thành phố P hòa thuận, hạnh phúc. Quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc đến năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do tính cách hai bên không hòa hợp, bất đồng quan điểm sống và lối sống, anh S mải chơi, không chịu làm ăn dẫn đến tH xảy ra cãi nhau, rạn nứt quan hệ tình cảm, mâu thuẫn giữa vợ chồng đã phát sinh căng thẳng và trầm trọng. Do tình cảm vợ chồng không còn, không thể chung sống với nhau, hiện vợ chồng sống ly thân với nhau từ năm 2023 cho đến nay, chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng đã trở nên sâu sắc, trầm trọng, không còn khả năng đoàn tụ nên chị đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn với anh S.

2. Về con chung:

Chị H trình bày chị và anh S có 03 con chung tên là Đỗ V, sinh ngày 12/5/2007; Đỗ Q, sinh ngày 28/11/2009 và Đỗ N, sinh ngày 01/10/2013. Khi ly hôn, chị đề nghị được trực tiếp nuôi các con chung, về cấp dưỡng nuôi con chung để chị và anh S tự thỏa thuận giao nhận cho nhau không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Về tài sản chung:

Chị H trình bày chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh Đỗ Văn S là bị đơn trong vụ án, trong suốt quá trình giải quyết vụ án mặc dù Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhiều lần song đến thời điểm mở phiên tòa anh S vẫn không có quan điểm, ý kiến gì đối với các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Quá trình thu thập tài liệu, chứng cứ của Toà án, bà Nguyễn Thị Thúy (Mẹ đẻ chị H sống chung cùng vợ chồng anh S và chị H) cung cấp như sau:

Anh S và chị H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức cưới theo phong tục và có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn M vào năm 2009. Sau khi kết hôn vợ chồng chuyển về chung sống cùng với gia đình nhà chồng được một thời gian thì đi thuê nhà để chung sống, đến năm 2018 vợ chồng anh S và chị H chuyển về chung sống cùng bà trên diện tích đất của bà và bà là người trực tiếp trợ giúp chị H, anh S chăm sóc các con chung của vợ chồng. Từ khi chị H và anh S kết hôn tH xuyên xảy ra mâu thuẫn, bất đồng, mâu thuẫn trở nên căng thẳng nhất là từ năm 2021 cho đến nay. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh S mải chơi, không chịu khó làm ăn, không quan tâm đến gia đình dẫn đến nợ nần, vợ chồng thường cãi mắng lẫn nhau. Chị H đã khuyên nhủ nhiều lần nhưng anh S vẫn không thay đổi quan điểm, tính cách, lối sống. Do đó dẫn đến vợ chồng sống ly thân, không còn quan tâm đến nhau. Gia đình hai bên đã khuyên giải nhưng do mâu thuẫn căng thẳng nên chị H xin ly hôn. Gia đình bà không mong muốn vợ chồng anh S, chị H ly hôn nhưng do các con chung của vợ chồng anh S và chị H đều do một mình chị H nuôi

dưỡng, chăm sóc, anh S không quan tâm, không có trách nhiệm gì với con chung. Vì vậy, bà đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết cho chị H được ly hôn với anh S.

Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung tên là Đỗ V sinh ngày 12/5/2007; Đỗ Q sinh ngày 28/11/2009 và Đỗ N sinh ngày 01/10/2013 hiện đang ở cùng với chị H. Nhiều năm nay các con chung đều do chị H nuôi dưỡng, anh S không chăm lo con chung. Trường hợp vợ chồng ly hôn, đề nghị Tòa án xem xét giao các con chung cho chị H tiếp tục nuôi dưỡng, chị H có mở quán bán hàng có thu nhập ổn định, anh S không có thu nhập ổn định. Về tài sản chung: Đề nghị Toà án hỏi chị H.

Quá trình thu thập tài liệu, chứng cứ của Toà án, bà Nguyễn Thị Oanh (Mẹ đẻ anh S) cung cấp như sau:

Năm 2009, anh S kết hôn với chị H trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức cưới theo phong tục và có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn M vào năm 2009. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại thị trấn M, quá trình chung sống vợ chồng đã xảy ra nhiều bất đồng, mâu thuẫn, cãi mắng lẫn nhau. Do đó chị H và anh S đã sống ly thân, gia đình đã hòa giải nhiều lần nhưng không thành. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính cách vợ chồng không hòa hợp, anh S chưa quan tâm đến gia đình. Nay chị H xin ly hôn, anh S và gia đình bà đã biết và mong muốn chị H suy nghị lại.

Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung tên là Đỗ V, sinh ngày 12/5/2007; Đỗ Q, sinh ngày 28/11/2009 và Đỗ N, sinh ngày 01/10/2013 hiện đang do chị H nuôi dưỡng, chị H đang mở quán bán hàng tại nhà. Trường hợp vợ chồng ly hôn, đề nghị Tòa án xem xét nguyện vọng của các con chung để giải quyết theo quy định của pháp luật. Về tài sản chung: Đề nghị Toà án giải quyết theo yêu cầu của đương S.

Biên bản xác minh ngày 29/01/2024 tại Ủy ban nhân dân thị trấn M, huyện N, thành phố P thể hiện: Chị Trịnh Thị Hồng H và anh Đỗ Văn S kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn M, huyện N, thành phố P vào ngày 14/9/2009. Quá trình chung sống vợ chồng hoà thuận hạnh phúc đến năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn giữa vợ chồng. Nguyên nhân mâu thuẫn do tính cách vợ chồng không hòa hợp, anh S mải chơi không quan tâm đến kinh tế gia đình, vợ con nên tH xảy ra cãi mắng lẫn nhau. Do mâu thuẫn, vợ chồng đã sống ly thân không còn quan tâm đến nhau. Mâu thuẫn giữa vợ chồng đã được hòa giải nhưng không có kết quả, nay chị H có đơn ly hôn, địa phương nhận thấy mâu thuẫn giữa anh S và chị H đã kéo dài và ngày càng trầm trọng, đề nghị Tòa án căn cứ vào quy định của pháp luật giải quyết cho chị H được ly hôn với anh S.

Về con chung: Chị H và anh S có 03 con chung tên là Đỗ V, sinh ngày 12/5/2007; Đỗ Q, sinh ngày 28/11/2009 và Đỗ N, sinh ngày 01/10/2013 và hiện

nay các con chung đang chung sống với chị H, chị H có quán bán hàng tạp hóa nhiều năm nay, có thu nhập ổn định từ khoảng 10 triệu đồng đến 15 năm triệu đồng/ tháng, anh S không có công việc ổn định, chưa có nhà ở. Trường hợp vợ chồng ly hôn, đề nghị Tòa án căn cứ vào quy định của pháp luật giải quyết. Về tài sản chung của vợ chồng: Đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án thì Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng pháp luật tố tụng, đương S chấp hành pháp luật. Về việc giải quyết vụ án đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các điều 51, 56, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình, xử: Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Trịnh Thị Hồng H và anh Đỗ Văn S; về con chung: Giao cho chị Trịnh Thị Hồng H trực tiếp nuôi 03 con chung tên là Đỗ V, sinh ngày 12/5/2007; Đỗ Q, sinh ngày 28/11/2009 và Đỗ N, sinh ngày 01/10/2013 cho đến khi từng con chung đủ 18 tuổi và có khả năng lao động, trừ trường hợp có S thay đổi khác theo quy định của pháp luật; sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở; về cấp dưỡng nuôi con chung và về tài sản chung không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết; nguyên đơn phải chịu án phí dân S sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Đây là vụ án tranh chấp về hôn nhân gia đình và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện N, thành phố P theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân S. Nguyên đơn là chị Trịnh Thị Hồng H vắng mặt tại phiên tòa có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt lần thứ hai tại phiên toà không có lý do. Căn cứ Điều 227, Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân S, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2]. Về hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa chị Trịnh Thị Hồng H và anh Đỗ Văn S đã được xác lập là hợp pháp (Giấy chứng nhận kết hôn số 76 ngày 14/9/2009 tại Ủy ban nhân dân thị trấn M, huyện N, thành phố P). Căn cứ vào lời khai của đương S và tài liệu điều tra xác minh tại địa phương thể hiện trong quá trình chung sống vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn, từ năm 2021 mâu thuẫn trở nên sâu sắc, trầm trọng không thể hàn gắn tình cảm được, do mâu thuẫn vợ chồng nên chị H và anh S đã sống ly thân và không còn quan tâm đến nhau. Điều đó chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng có tồn tại làm cho hôn nhân đã lâm vào tình trạng trầm trọng, khả năng đoàn tụ không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn

nhân không đạt được. Chị H yêu cầu ly hôn, căn cứ vào Điều 51 và Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình xử cho ly hôn giữa chị H và anh S.

[3]. Về con chung: Chị H và anh S có 03 con chung tên là Đỗ V sinh ngày 12/5/2007; Đỗ Q sinh ngày 28/11/2009 và Đỗ N sinh ngày 01/10/2013. Khi ly hôn, chị H đề nghị được tiếp tục trực tiếp nuôi con chung. Việc giao con chung cho ai nuôi cần phải căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con chung. Xét thấy, chị H đang trực tiếp nuôi 03 con chung vẫn ổn định, con chung phát triển bình tH và được đảm bảo tốt về mọi mặt, 03 con chung đều có nguyện vọng mong muốn được tiếp tục chung sống với chị H khi ly hôn, chị H có nhà ở, nơi cư trú và công việc, thu nhập ổn định và có thời gian, điều kiện, khả năng nuôi dưỡng các con chung tốt đảm bảo về quyền lợi cho các con chung, anh S hiện tại chưa có nhà ở, công việc và thu nhập ổn định nên cần giao cả 03 con chung cho chị H tiếp tục trực tiếp nuôi là phù hợp với các điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị H đề nghị để anh chị tự thoả thuận giao nhận cho nhau, không có yêu cầu Tòa án giải quyết và anh S không có trình bày ý kiến, yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4]. Về tài sản chung: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết và anh S không có trình bày ý kiến, yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết trong vụ án này.

[5]. Về án phí: Chị H phải chịu 300.000 đồng án phí dân S sơ thẩm về ly hôn.

[6]. Về quyền kháng cáo: Chị H và anh S có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 228, 238 của Bộ luật Tố tụng dân S; Điều 51, Điều 56, Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban tH vụ Quốc hội; Xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Trịnh Thị Hồng H và anh Đỗ Văn S.

2. Về con chung: Giao cho chị Trịnh Thị Hồng H trực tiếp nuôi 03 con chung tên là Đỗ V sinh ngày 12/5/2007; Đỗ Q sinh ngày 28/11/2009 và Đỗ N sinh ngày

01/10/2013cho đến khi từng con chung đủ 18 tuổi và có khả năng lao động, trừ trường hợp có S thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Trịnh Thị Hồng H không yêu cầu Tòa án giải quyết và anh Đỗ Văn S không có trình bày quan điểm, yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4. Về tài sản chung: Chị Trịnh Thị Hồng H không yêu cầu Tòa án giải quyết và anh Đỗ Văn S không có trình bày quan điểm, yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

5. Về án phí: Chị Trịnh Thị Hồng H phải chịu 300.000 đồng án phí dân S sơ thẩm về ly hôn, được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0009746 ngày 05 tháng 01 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân S huyện N, thành phố P. Chị Trịnh Thị Hồng H đã nộp đủ án phí dân S sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn và bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân S thì người được thi hành án dân S, người phải thi hành án dân S có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân S; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân S./.

Nơi nhận:
- TAND thành phố P;
- VKSND thành phố P;
- VKSND huyện N;
- Chi cục THADS huyện N;
- UBND thị trấn M, N,
  (Giấy CNKH số 76 ngày 14/9/2009);
- Đương S;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Vân